TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 378/2019/DS-PT
Ngày: 07/5/2019
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Quỳnh Châu

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Bá Thịnh

Ông Lưu Ngọc Thạch

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Từ Thanh Uyên – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Trọng Long– Kiểm sát viên.

Ngày 02 và 07/5/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 147/TLPT-DS ngày 19 tháng 02 năm 2019 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất";

Do bản án dân sự sơ thẩm số 742/2018/DS-ST ngày 30/11/2018 của Toà án nhân dân quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo;

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1688/2019/QĐPT-DS ngày 16/4/2019 và quyết định hoãn phiên tòa dân sự phúc thẩm số …./2019/QĐ-PT ngày …/5/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Lại Thị G**, sinh năm 1945.

Địa chỉ: 98/7 Đường số 17, Khu phố X, phường T, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền ông Lưu Văn H, sinh năm 1988

Địa chỉ: 35 đường 12, phường C, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh- có mặt.

- *Bị đơn:* Ông **Bùi Quang M**, sinh năm: 1953

Địa chỉ: 98/9 Đường số 17, Khu phố X, phường T, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện ủy quyền ông Nguyễn Trọng Đ - có mặt.

Địa chỉ: 725/28 Trường Chinh, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty Vật tư Thiết bị và Xuất nhập khẩu H

Địa chỉ: Số 01 Hoàng Hoa Thám, Phường X, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tiến U theo văn bản ủy quyền ngày 11/4/2019 (có đơn xin vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1960

Đại diện ủy quyền ông Nguyễn Trọng Đ - có mặt

3. Ông Bùi Nam H, sinh năm 1986 (có đơn xin vắng mặt)

4. Ông Bùi Hà N, sinh năm 1983 (có mặt)

Cùng địa chỉ: 98/9 Đường số 17, Khu phố X, phường T, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Bà Nguyễn Thị H

6. Bà Nguyễn Thị A

7. Ông Trịnh Xuân P

Ông P, bà H, bà A cùng ủy quyền cho ông Lưu Văn H (có mặt).

Địa chỉ: 35 đường 12, phường C, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

8. Ông Nguyễn Đình P (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn La A, xã G, huyện G, tỉnh Hải Dương.

9. Ủy ban nhân dân quận Đ

Địa chỉ: 43 Nguyễn Văn Bá, phường T, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh- đại diện ủy quyền ông Võ Phúc A theo văn bản ủy quyền số 1039/UQ-UBND ngày 30/3/2016. (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn và lời trình bày của đại diện nguyên đơn trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án đã trình bày:

Căn nhà số 98/7 đường số 17, khu phố 5, phường T, quận Đ thuộc quyền sử dụng của bà Lại Thị G có nguồn gốc đất nhà nước giao cho Công ty vật tư thiết bị và xuất nhập khẩu H nay là Công ty vật tư thiết bị và xây dựng công trình H (gọi tắt là công ty H) quản lý, năm 1989 Công ty vật tư thiết bị và xuất nhập khẩu H đầu tư xây dựng và bán hóa giá nhà cho cán bộ công nhân viên sử dụng, trong đó có hộ của ông Phạm Văn H, bà Bùi Thị K; ông H, bà K chuyển nhượng lại cho bà Lại Thị G (không làm giấy tờ mua bán, không biết năm nào, không biết số tiền bao nhiêu), diện tích 190m^2, đến năm 2003 bà K làm giấy tay xác nhận có bán cho bà G phần đất nói trên và sau này bà G được công ty H hóa giá nhà diện tích 48m^2 theo quyết định số 43/TCHC ngày 22/12/1993. Khi nhận chuyển nhượng lại từ ông H giữa hai bên không làm giấy tờ nhưng phần nhà đất bao gồm nhà và chuồng heo, ao cá mà sau này gia đình bà G san lấp, trồng rau. Sau khi nhận chuyển nhượng bà lại Thị G là người sử dụng, đóng thuế và đăng ký kê khai năm 1999, việc đóng thuế không ghi rõ thửa nào mà chỉ ghi đóng thuế 190m^2 thôi. Khi nhận chuyển nhượng của ông H, bà K thì phần đất này đã có cái ao (do ông H, bà K đào, không biết rõ diện tích ao bao nhiêu), không có cây dừa gì cả. Năm 2001 ông M lấn chiếm một phần đất làm đường đi, bà đã nhiều lần yêu cầu nhưng ông M không trả, năm 2014 ông M tráng xi măng làm đường đi, lấn chiếm phần đất này của bà G. Nhà và đất của bà lại Thị G chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nhà ở.

Nay bà G yêu cầu ông Bùi Quang M và gia đình ông M phải trả lại phần đất mà ông và gia đình đã lấn chiếm là 50,2m^2 thuộc ô số 2 thửa số 41-1 tờ bản đồ thứ 2 theo tài liệu 299/TTg nay là một phần thửa 17-1 tờ bản đồ số 51 bộ địa chính phường T, quận Đ theo tài liệu năm 2004 tại bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 18/5/2015, bà G hỗ trợ cho ông M số tiền 5.000.000 đồng.

Bà Lại Thị G không yêu cầu ông Bùi Quang M hoàn lại tiền đo vẽ, thẩm định tại chỗ.

Bị đơn ông Bùi Quang M vắng mặt nhưng có lời khai: Phần đất bà Lại Thị G tranh chấp có nguồn gốc ông nhận chuyển nhượng từ Công ty vật tư thiết bị, xuất nhập khẩu H và sử dụng ổn định từ năm 1975 cho đến nay, do đó ông không đồng ý với yêu cầu của bà Lại Thị G.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L và đại diện ủy quyền của bà L trình bày: Nhà của bà số 98/9 đường số 17, khu phố 5, phường T, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh được hóa giá nhà theo quyết định số 35/NC ngày 05/6/1990 theo đó chỉ có phần hóa giá nhà, không nêu rõ diện tích. Còn phần đất phía sau dọc theo nhà khoảng 160m^2 có nguồn gốc tự khai hoang, sử dụng từ năm 1981 đến năm 2000, năm 2001 thì bà Lại Thị G lấn chiếm sử dụng nên hai bên có tranh chấp. Quá trình sử dụng phần đất này, bà đóng thuế từ năm 1992 cho đến nay, việc đóng thuế là tự kê khai diện tích, không ghi số thửa, số tờ. Năm 1999, ông Bùi Quang M có đăng ký kê kai phần đất 160m^2, trong đó có phần đất tranh chấp (bản kê khai này hiện ông M, bà L không có nên không nộp cho tòa án được, do tổ trưởng phát xong rồi thu lại hết, không giao lại cho gia đình mặc dù gia đình có đăng ký kê khai). Đối với việc ông H, bà K bán đất cho bà G thì không có cơ sở vì ông H, bà K không có quyền sử dụng phần đất này và gia đình bà sử dụng phần nhà và đất này từ năm 1981. Trên phần đất tranh chấp này có một cái ao diện tích ao ngang 4m, dài 12m, ao này do ông Bùi Hà N và ông H, con ông H đào năm 1992. Trên phần đất này còn có 02 cây dừa do bà L trồng từ năm 1985. Vì đất của gia đình bà nên bà không chấp nhận yêu cầu của bà G.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Bùi Hà N trình bày: Năm 2000 đã khiếu nại việc tranh chấp giữa ông M và bà G, phường có lập biên bản hòa giải. Những ý kiến khác thì đồng ý kiến của bà L.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty vật tư thiết bị và xây dựng công trình H có ông Võ Văn D làm đại diện trình bày: Công ty xây dựng và hóa giá nhà cho cán bộ nhân viên, theo đó bà Lại Thị G được hóa giá căn nhà B4 diện tích 12m x 4m theo quyết định 43/TCHC ngày 22/12/1993, đối với ông Bùi Quang M thì theo quyết định số 35/NC ngày 05/6/1990 và diện tích cũng là 12m x 4m2, công ty không hóa giá phần đất. Toàn bộ phần đất này công ty đã thực hiện bàn giao cho Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quản lý theo quy định của pháp luật.

Tranh chấp giữa bà G và ông M công ty không có ý kiến, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân quận Đ ủy quyền cho ông Võ Phúc A làm đại diện vắng mặt nhưng có lời khai: Phần đất các bên tranh chấp hiện chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc các bên tranh chấp đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ông Bùi Nam H vắng mặt nhưng có lời khai các ông thống nhất với ý kiến của bà Nguyễn Thị L, ông Bùi Quang M.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đình P vắng mặt nhưng có lời khai: Ông và bà Lại Thị G chung sống với nhau từ năm 1971 nhưng không đăng ký kết hôn, tiền bà G mua nhà đất của ông H là của cá nhân bà G. Tranh chấp giữa bà gái và ông M ông không có ý kiến và xin vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị A, Trịnh Xuân P cùng ủy quyền cho ông Lưu Văn H trình bày: Các ông bà là con gái và con rể của bà G, hiện đang ở trong nhà số 98/7 đường số 17, khu phố 5, phường T, quận Đ và thống nhất với ý kiến của bà G.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị K vắng mặt nhưng có lời khai: Bà là vợ của ông Phạm Văn H, bà xác nhận phần đất bà G tranh chấp với ông M là phần đất vợ chồng bà chuyển nhượng lại cho bà G. Bà đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

* Tại bản án dân sự sơ thẩm số 742/2018/DS-ST ngày 30/11/2018 của Toà án nhân dân quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1. Buộc ông Bùi Quang M và bà Nguyễn Thị L, ông Bùi Nam H, ông Bùi Hà N phải trả lại cho bà Lại Thị G diện tích 50,2m^2 thuộc ô số 2 thửa số 41-1 tờ bản đồ thứ 2 theo tài liệu 299/TTg nay là thửa 17-1 tờ bản đồ số 50-51 bộ địa chính phường T, quận Đ theo tài liệu năm 2004 tại bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 18/5/2015

Việc sử dụng và đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất bà Lại Thị G phải thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Ghi nhận việc bà Lại Thị G hỗ trợ cho ông Bùi Quang M số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng ngay sau khi ông M bàn giao phần đất nêu trên.

3. Chi phí tố tụng khác: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lại Thị G không yêu cầu ông Bùi Quang M hoàn lại tiền đo vẽ, xem xét thẩm định tại chỗ phần đất tranh chấp

4. Về án phí: Ông Bùi Quang M được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Lại Thị G số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 10.640.000đ (mười triệu sáu trăm bốn mươi ngàn đồng) theo biên lai thu số 0005882 ngày 24/12/2014 do Chi cục thi hành án dân sự quận Đ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 14/12/2018 ông Bùi Quang M, ông Bùi Hà N và bà Nguyễn Thị L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu hủy án sơ thẩm.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Người khởi kiện không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo không rút đơn kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện theo ủy quyền của bị đơn có ý kiến: Phần đất các bên đang tranh chấp là của nhà nước quản lý, chưa giao đất cho ai sử dụng, các bên kê khai đóng thuế đều không thể hiện có kê khai, đóng thuế đối với phần đất 50,2m2 hay không. Do đất này là đất của nhà nước nên bị đơn chỉ đồng ý trả lại đất do bị đơn tự lấn chiếm của nhà nước sử dụng khi Nhà Nước yêu cầu bị đơn trả lại đất, không đồng ý giao đất theo yêu cầu của nguyên đơn, yêu cầu hủy án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử tuyên bố nghỉ để nghị án Thẩm phán chủ tọa, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự .

Những người tham gia tố tụng đã được thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng xác định đất đang tranh chấp 50,2m2 là đất của nhà nước và chờ chỉ đạo của nhà nước theo Công văn 10932 của Sở xây dựng thành phố nên không thể công nhận đất này cho nguyên đơn theo yêu cầu của nguyên đơn được.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

- Về thời hạn kháng cáo:

Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm vào ngày 30/11/2018 đến ngày 14/12/2018 ông Bùi Quang M, ông Bùi Hà N và bà Nguyễn Thị L có đơn kháng cáo. Căn cứ khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự kháng cáo trong thời hạn luật định.[1]

- Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn đều có mặt; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty Vật tư Thiết bị và Xuất nhập khẩu H và các đương sự còn lại có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 và 294 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án theo quy định của pháp luật.[2]

- Về nội dung:

Xét thấy nguyên đơn bà Lại Thị G khởi kiện tranh chấp yêu cầu bị đơn ông Bùi Quang M và bà Nguyễn Thị L, ông Bùi Nam H, ông Bùi Hà N trả lại phần đất 50,2m2 cho bà G, Hội đồng xét xử nhận định: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn đều không chứng minh được phần đất 50,2m2 mà các bên đang tranh chấp ai là người đóng thuế cho nhà nước và có kê khai theo quy định pháp luật; Ủy ban nhân dân phường T, quận Đ xác định "…Đối với phần đất tranh chấp diện tích 50,2m^2 Ủy ban nhân dân phường T không xác định được 02 hộ bà Lại Thị G, ông Bùi Quang M có kê khai trong phần diện tích nộp thuế nêu trên (do khi kê khai nộp thuế là họ tự khai và chịu trách nhiệm về diện tích kê khai). Như vậy không có đủ cơ sở để xác định phần đất tranh chấp 50,2m^2 là do bà lại Thị G hay ông Bùi Quang M đóng thuế sử dụng đất.[3]

Quá trình đăng ký kê khai sử dụng phần đất tranh chấp diện tích 50,2m^2 thuộc ô số 2 thửa số 41-1 tờ bản đồ thứ 2 theo tài liệu 299/TTg nay là một phần thửa 17-1 tờ bản đồ số 51 bộ địa chính phường T, quận Đ theo tài liệu năm 2004 tại bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 18/5/2015 cho thấy: Phần đất các bên tranh chấp có nguồn gốc được Công ty vật tư thiết bị và xuất nhập khẩu H quản lý sử dụng, sau đó công ty xây dựng nhà ở, hóa giá nhà cho một số công nhân viên của công ty, trong đó có hộ của ông Phạm Văn H và ông H chuyển nhượng lại cho bà G và sau này bà Lại Thị G được công ty H bán hóa giá nhà theo quyết định số 43/TCHC ngày 22/12/1993 và hộ ông Bùi Quang M được hóa giá nhà theo quyết định số 35/NC ngày 05/6/1990, phần đất còn lại do công ty H vẫn tiếp tục quản lý.

Căn cứ công văn số 10932/SXD-QLN-CS ngày 15/9/2015 của Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh xác định nguồn gốc diện tích đang tranh chấp có nguồn gốc do Bộ giao thông vận tải chế độ cũ quản lý và được Công ty H tiếp quản sau 1975 và xây dựng 02 khu nhà tập thể cán bộ, công nhân viên. Sau đó, Công ty H ban hành quyết định chuyển nhượng khu nhà tập thể cán bộ, tạm cấp các lô đất cho cán bộ công ty trong khoảng thời gian từ năm 1989 đến 1999. Trong đó hộ bà Lại Thị G được bố trí nhà theo Quyết định số 43/TCHC ngày 22/12/1993 của công ty 624 và hộ ông Bùi Quang M được bố trí nhà theo quyết định số 35/TCHC ngày 05/6/1990 của công ty H. Từ đó đến nay Công ty H không trực tiếp quản lý, sử dụng khu đất và Công ty H đã có công văn 359/Cty 624-TCHC ngày 16/12/2008 về việc giao lại quỹ

đất ở do Công ty H đang quản lý cho ngành nhà đất thành phố quản lý. Như vậy, phần đất 50,2 m2 đất các bên đang tranh chấp không nằm trong diện tích nhà đất ông M, bà G được Công ty H bán hóa giá và ông M và bà G cũng không được cơ quan có thẩm quyền nào giao đất để sử dụng.[4]

Ông M, bà G không chứng minh được có đăng ký kê khai, đóng thuế đất hàng năm đối với phần đất 50,2m2 nên không có cơ sở xác định phần đất đang tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ông M hay của bà G mà phần đất này thuộc quyền quản lý của Nhà nước. Căn cứ Công văn số 10932/SXD-QLN-CS ngày 15/9/2015 của Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh xác định về quy định về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất chỉ được thực hiện sau khi có chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố. Qua xem xét tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đương sự đều xác định, cho đến nay Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh vẫn chưa có hướng dẫn liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất liên quan đến phần đất 50,2m2 mà hộ bà G và ông M đang tranh chấp nên không thể xác định đất này thuộc quyền sử dụng của bà G hay của ông M được.[5]

Hơn nữa, bà G sử dụng đất này từ ngày 22/12/1993 (tức là sau ngày 15/10/1993); nên trường hợp sử dụng đất của bà G trong thời gian này không thuộc trường hợp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được quy định tại Điều 23 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ như Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định. Do đó yêu cầu khởi kiện của bà Lại Thị G về việc buộc ông Bùi Quang M và bà Nguyễn Thị L, ông Bùi Nam H, ông Bùi Hà N phải trả lại cho bà Lại Thị G diện tích 50,2m^2 thuộc ô số 2 thửa số 41-1 tờ bản đồ thứ 2 theo tài liệu 299/TTg nay là thửa 17-1 tờ bản đồ số 50-51 bộ địa chính phường T, quận Đ theo tài liệu năm 2004 tại bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 18/5/2015 là không có căn cứ chấp nhận. Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lại Thị G như đã nhận định trên.[6]

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn, được hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa án sơ thẩm theo hướng đã nhận định trên.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà Lại Thị G không được chấp nhận nên bà Lại Thị G phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 10.640.000đ (mười triệu sáu trăm bốn mươi ngàn đồng) theo biên lai thu số 0005882 ngày 24/12/2014 của Chi cục thi hành án dân sự quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoàn trả lại cho bà Lại Thị G số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 10.340.000 đồng

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L, ông Bùi Nam H số tiền tạm ứng án phí 600.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0023240 ngày 21/12/2018 của cơ quan thi hành án dân sự quận Đ, thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 ;
- Áp dụng Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Bùi Quang M; Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 742/2018/DS-ST ngày 30/11/2018 của Toà án nhân dân quận Đ, thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Bùi Quang M và bà Nguyễn Thị L, ông Bùi Nam H, ông Bùi Hà N phải trả lại cho bà Lại Thị G diện tích 50,2m^2 thuộc ô số 2 thửa số 41-1 tờ bản đồ thứ 2 theo tài liệu 299/TTg nay là thửa 17-1 tờ bản đồ số 50-51 bộ địa chính phường T, quận Đ theo tài liệu năm 2004 tại bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 18/5/2015.

2. Chi phí tố tụng khác: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lại Thị G không yêu cầu ông Bùi Quang M hoàn lại tiền đo vẽ, xem xét thẩm định tại chỗ phần đất tranh chấp

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lại Thị G phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 10.640.000đ (mười triệu sáu trăm bốn mươi ngàn đồng) theo biên lai thu số 0005882 ngày 24/12/2014 của Chi cục thi hành án dân sự quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoàn trả lại cho bà Lại Thị G số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 10.340.000 đồng.

4. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị L, ông Bùi Nam H, ông Bùi Quang M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L, ông Bùi Nam H số tiền tạm ứng án phí 600.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0023240 ngày 21/12/2018 của cơ quan thi hành án dân sự quận Đ, thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bá Thịnh + Lưu Ngọc Thạch **Trần Thị Quỳnh Châu**

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND quận Thủ Đức;
- Chi cục THADS quận Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Quỳnh Châu